TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:65/2018/HS-ST
Ngày 28-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trọng Tính

Bà Trần Thị Thanh Miên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Quang Thế** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ số: 62/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình T, sinh năm 1989, tại Bình Phước; Nơi cư trú: thôn 10, xã H, huyện R, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá 08/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị V; bị cáo có vợ tên Phạm Thị Thùy T, sinh năm 1997 và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không;

Về nhân thân: Ngày 04-12-2012 bị Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bình Phước cho áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh tại Trung tâm chữa bệnh, giáo dục lao động xã hội tỉnh Bình Phước. Chấp hành xong vào ngày 06-10-2014;

Năm 2017 có hành vi trộm cắp tài sản. Đến ngày 14-3-2018 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xử phạt 09 tháng tù theo Bản án số 06/2018/HSST ngày 14-3-2018 về Tội Trộm cắp tài sản. Hiện bị cáo đang thi hành án.

Hiện bị cáo bị giam trong vụ án khác " có mặt".

Người bị hại:

Ông Đỗ Duy C, sinh năm 1971 (Có mặt)

Bà Phạm Thị H, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 08, xã H, huyện R, Bình Phước

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1970 (Có mặt)

Người làm chứng:

Bà Phạm Thùy T, sinh năm: 1996 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã T, thị xã X, tỉnh Bình Phước

Chỗ ở: Thôn 10, xã H, huyện R, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình T là người làm thuê và ở tại gia đình ông Đỗ Duy C và Phạm Thị H .

Khoảng 22 giờ ngày 22-7-2017, T lên mạng xã hội Facebook gặp Phạm Thùy T (trước đó Phạm Thùy T sống với T như vợ chồng) và biết Phạm Thùy T đang ở tại TP. H, tỉnh Đồng Nai nên T nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô hiệu Sirius biển số: 93H1- 052.63 của ông C để về gặp Phạm Thùy T. Đến khoảng 02 giờ ngày 23-7-2017, lợi dụng lúc ông C ngủ say, vợ ông C đi cạo mủ cao su, T đi vào phòng ngủ lấy chìa khóa xe mô tô, 01 điện thoại di động hiệu Sam sung J7 PRIME màu trắng và 01 bóp da và tiền của của ông C. Sau khi lấy được chìa khóa xe, Tuấn đi ra phòng khách lấy xe mô tô điều khiển về tỉnh Đồng Nai. Trên đường, T ghé vào một quán nước ven đường mở bóp da vừa chiếm đoạt ra kiểm tra phát hiện có số tiền 1.200.000 đồng, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép láy xe hạng A1, 01 giấy phép lái xe hạng B2 đều mang tên Đỗ Duy C, tiền T cất vào người, còn cái bóp da cùng số giấy tờ trên T bỏ vào túi đựng quần áo bỏ sát bên người rồi nằm ngủ thì bị mất túi đựng quần áo nên điều khiển xe mô

tô 93H1- 052.63 về Đồng Nai gặp Phạm Thùy T. Khi gặp T, Phạm Thùy T hỏi xe mô tô của ai nhưng T không nói gì. Sau đó, T và Phạm Thùy T chuyển sang quận T, TP. Hồ Chí Minh sinh sống, tại đây T mang xe mô tô và điện thoại di động hiệu Sam sung J7 PRIME màu trắng cầm cố cho một người tên P (chưa rõ nhân thân, lai lịch) được số tiền 3.000.000 đồng. Tiền cầm cố xe mô tô, điện thoại và số tiền 1.200.000 đồng Tuấn tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 117/KL-HĐĐG, ngày 28-11-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện R kết luận: giá trị của 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Sirius, biển số: 93H1-052.63, tại thời điểm ngày 23-7-2017 có giá trị là 5.970.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Sam sung J7 PRIME, màu trắng, tại thời điểm ngày 23-7-2017 có giá trị là 5.490.000 đồng và số tiền 1.200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là: 12.660.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng);

Tại bản Cáo trạng số: 43/QĐ/KSĐT – KT ngày 12-6-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Đình T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 38; 50 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng trong vụ án và trách nhiệm dân sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra , Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng

của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đình T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng số: 43/QĐ/KSĐT – KT ngày 12-6-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước đã truy tố đối với bị cáo.

[2]. Xét hành vi phạm tội: Qua đối chiếu lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng, phù hợp về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng của vụ án thu được, kết luận định giá tài sản có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do lười lao động muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên ngày 23-7-2017, Nguyễn Đình T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của ông Đỗ Duy C các tài sản gồm: 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Sirius, biển số: 93H1-052.63 trị giá là 5.970.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Sam sung J7 PRIME trị giá là 5.490.000 đồg. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của người bị hại là 12.660.000đ.

Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Đình T thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

[3]. Xét về tính chất vụ án: Bị cáo được bị hại tin tưởng cho ở trong nhà, nhưng bị cáo đã lợi dụng lúc đêm khuya, bị hại ngủ say để chiếm đoạt tài sản rồi bỏ trốn. Sau khi chiếm đoạt tài sản cuả gia đình ông C, bị cáo tiếp tục đến địa bàn huyện Đ, tỉnh Đắk Nông để trộm cắp tài sản và bị xử phạt 09 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản" theo bản án số 06/2018/HSST ngày 14-3-2018 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Xét, hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện rõ thái độ xem thường pháp luật, bản chất lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cho bản thân bằng cách thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người gia đình bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm để cải tạo bị cáo, đồng thời để giáo dục và phòng ngừa chung.

Đồng thời tổng hợp hình phạt của hai bản án buộc bị cáo phải chấp hành.

[4]. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo; chưa có tiền án, tiền sự; tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh và phần hình phạt là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với người phụ nữ tên P (chưa rõ nhân thân, lai lịch) là người cầm cố xe của T, Cơ quan Công an huyện đang tiếp xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với Phạm Thùy T có sống chung như vợ chồng với T, quá trình T chiếm đoạt tài sản của ông Cao thì Phạm Thùy T không biết, sau khi T xuống gặp Phạm Thùy T, T cũng không nói số tài sản gồm xe mô tô, điện thoại và tiền do T phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý Phạm Thùy T.

Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa người bị hại ông Đỗ Duy C yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình T bồi thường số tiền 12.660.000đ (Mười hai triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng. Bị cáo Nguyễn Đình T chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của người bị hại. Xét sự tự nguyện bồi thường của bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật nên cần ghi nhận.

Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Sirius, biển số: 93H1-052.63 và điện thoại di động Sam sung J7 PRIME đã bị Tuấn chiếm đoạt sau đó cầm cố không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét;

Đối với số tiền 1.200.000 đồng mà T chiếm đoạt của ông C, T đã tiêu xài hết nên không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét

Đối với 01 bóp da đã cũ, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép láy xe hạng A1, 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Đỗ Duy C, T bị mất trộm trên đường về Đồng Nai nên không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét;

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đình T** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ khoản 1 Điều 138 BLHS 1999; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38; Điều 50; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đình T 15** (***Mười lăm***) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 09 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 06/2018/HSST ngày 14-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày 02-01-2018.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS 2015; các Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo T và bị hại về phần bồi thường thiệt hại như sau:

Bị cáo Nguyễn Đình T có nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại ông Lê Duy C, bà Phạm Thị H số tiền là 12.660.000đ (Mười hai triệu sáu trăm sáu mươi triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày đại diện nguyên đơn dân sự có yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không thực hiện việc trả số tiền nêu trên, thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm chậm thi hành án.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 20-12-2016 về án phí, lệ phí bị cáo **Nguyễn Đình T** phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn đồng*).

3. Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Đình T phải nộp 633.000đ *(Sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng).*

Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Phú Riềng;*
- *Chi cục THADS huyện Phú Riềng;*
- *CA huyện Phú Riềng;*
- *Nhà tạm giữ CA huyện Phú Riềng*
- *Bị cáo; người tham gia tố tụng*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Viết Hòa